

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 01 – 2021
Về việc: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thế Lộc.

2. Ông Phan Văn Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 93/2020/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 7 năm 2020, về việc: “Xin Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 69, Phạm Văn K, khu phố H, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố B, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Anh V trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường B,

thị xã H (nay là thành phố H) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/5/2007. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông, bà phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau. Ông, bà không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Ngày 16/6/2020, ông và bà H có nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, tuy nhiên đến thời điểm Tòa án làm thủ tục thụ lý giải quyết vụ việc thì bà H không đến Tòa án. Nay xét thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng ông, bà chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Bảo D, sinh ngày 02/9/2010, giới tính nam, Nguyễn Anh T, sinh ngày 17/01/2005, giới tính nam và Nguyễn Bảo H, sinh ngày 30/8/2012, giới tính nam. Các con chung hiện đang sống với ông và đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông nên ông yêu cầu được nuôi cả ba con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà H cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông, bà không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng ông, bà không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng ông, bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị H được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án, ngày 31/12/2020 bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến như sau:* Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Anh V. Về con chung: Vợ chồng tôi chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Bảo D, sinh ngày 02/9/2010, giới tính nam, Nguyễn Anh T, sinh ngày 17/01/2005, giới tính nam và Nguyễn Bảo H, sinh ngày 30/8/2012, giới tính nam. Tôi đồng ý giao con cho ông V và tôi không cấp dưỡng. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Nguyễn Anh V được ly hôn với bà Nguyễn Thị H; giao con chung tên con chung tên Nguyễn Bảo D, sinh ngày 02/9/2010, giới tính nam, Nguyễn Anh T, sinh ngày 17/01/2005, giới tính nam và Nguyễn Bảo H, sinh ngày 30/8/2012, giới tính nam cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành theo nguyện vọng của các con chung. Ghi nhận việc ông V không yêu cầu bà H cấp dưỡng chi phí nuôi con chung; Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xem xét. Buộc nguyên đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Anh V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị H, nơi bị đơn bà H cư trú tại khu phố B, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Do đó, đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được đồng thời ghi nhận ý kiến của đương sự có mặt theo quy định tại Điều 207, 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình đưa vụ án ra xét xử bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Anh V và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường B, thị xã H (nay là thành phố H) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/5/2007. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông, bà phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau. Ông, bà không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Ngày 16/6/2020, ông và bà H có nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, tuy nhiên đến thời điểm Tòa án làm thủ tục thụ lý giải quyết vụ việc thì bà H không đến Tòa án. Do ông V cương quyết ly hôn nên đã yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H. Xét hôn nhân của ông V,

bà H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Ông V cương quyết ly hôn với bà H với lý do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông và bà không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Theo ý kiến tại đơn xin vắng mặt bà H cũng đồng ý ly hôn với ông V, đồng thời tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 16/6/2020 của người yêu cầu là ông Nguyễn Anh V và bà Nguyễn Thị H thì ông và bà thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Quá trình xác minh được Chính quyền địa phương nơi bà H sinh sống xác định bà H có đăng ký thường trú tại khu phố 3, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, bà H, ông V không còn chung sống với nhau và hiện nay bà H đang đi làm xa. Nghị cần chấp nhận cho ông V và bà H ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

[4] Về con chung: Ông V, bà H chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Bảo D, sinh ngày 02/9/2010, giới tính nam, Nguyễn Anh T, sinh ngày 17/01/2005, giới tính nam và Nguyễn Bảo H, sinh ngày 30/8/2012, giới tính nam. Ông V yêu cầu được nuôi 03 con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà H cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Theo ý kiến tại đơn xin vắng mặt bà H cũng đồng ý giao 03 con chung cho ông V tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đồng thời tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 16/6/2020 thì bà H hoàn toàn đồng ý giao các con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng và bà không thực hiện cấp dưỡng. Ngoài ra, con chung Nguyễn Anh T, Nguyễn Bảo H và Nguyễn Bảo D đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với cha là ông Nguyễn Anh V. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: “...2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”. Do đó, Hội đồng xét xử nghị nên giao cả 03 con chung tên Nguyễn Anh T, Nguyễn Bảo H và Nguyễn Bảo D cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc ông V không yêu cầu bà H cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông V, bà H trình bày chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Anh V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho ông Nguyễn Anh V được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao 03 (ba) con chung tên Nguyễn Bảo D, sinh ngày 02/9/2010, giới tính nam, Nguyễn Anh T, sinh ngày 17/01/2005, giới tính nam và Nguyễn Bảo H, sinh ngày 30/8/2012, giới tính nam cho ông Nguyễn Anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc ông V không yêu cầu bà H cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Ông Nguyễn Anh V cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Nguyễn Thị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Anh V và bà Nguyễn Thị H trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Anh V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ông Nguyễn Anh V đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003734 ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Sau khi khấu trừ ông V không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án

dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp.H;
- Chi cục THADS Tp.H;
- UBND p.B, Tp.H
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Phước Thành